TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH VĨNH PHÚC
Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và ông Hoàng Văn Khảm

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Anh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Y

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1994; địa chỉ: địa chỉ: thôn ĐL, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn ĐL, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 4 năm 2024 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Văn B trên cơ sở được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 12/11/2012. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng B thường đến đầu năm 2020, phát sinh mâu thuẫn do anh B có quan hệ N nữ với người phụ nữ khác. Chị khuyên nhưng anh không thay đổi. Anh chị và hai gia đình dàn xếp nhiều lần nhưng không thành. Trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường xuyên sảy ra va chạm không khắc phục được dẫn đến mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ cuối năm 2020, anh chị sống ly thân nhau và cắt đứt mọi quan hệ đến nay. Chị xét thấy tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị H xác định, có 02 con là Trần Minh V, sinh ngày 23/8/2013 và Trần Nhật N, sinh ngày 28/6/2016, hai cháu đang sống cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị để anh B được nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa chị H đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Trần Văn B đã được Tòa án làm các thủ tục triệu tập hợp lệ nhiều lần, anh B nhận được văn bản của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội: Cho chị H được ly hôn anh B; giao chị H được trực tiếp nuôi cháu Trần Nhật N, sinh ngày 28/6/2016. Anh B được trực tiếp nuôi cháu Trần Minh V, sinh ngày 23/8/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền thăm nom con, không ai được cản trở; chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Thị Thu H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn B. Anh B cư trú tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng anh Trần Văn B không đến và không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nhưng anh B tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do chị H không còn niềm tin đối với anh B. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, anh chị không có biện pháp hàn gắn dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị sống ly thân từ khoảng cuối năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, anh B biết việc chị H làm đơn ly hôn nhưng không hợp tác, không đến Tòa án làm việc. Chứng tỏ anh B không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Qua xác minh tại địa phương và theo cung cấp của gia đình anh B, thể hiện: Trong cuộc sống anh chị có mâu thuẫn. Thực tế anh chị đã ly thân trong thời gian tương đối dài mà không có biện pháp hàn gắn tình cảm; từ khi ly thân anh chị không có trách nhiệm với nhau. Chị H kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị H ly hôn anh B là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Văn B có 02 con là Trần Minh V, sinh ngày 23/8/2013 và Trần Nhật N, sinh ngày 28/6/2016. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Xét thấy, cả anh B và chị H đều có khả năng nuôi con, song nếu giao hai cháu cho một người nuôi sẽ rất vất vả; hơn nữa anh chị và hai bên gia đình cư trú cùng thôn thuận lợi cho việc đi lại, thăm nom chăm sóc con, việc tách 02 cháu cũng không làm ảnh hưởng đến tâm lý, môi trường sống của các cháu. Do vậy cần giao cho chị H, anh B mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con. Chị H nuôi cháu N, anh B nuôi cháu V. Anh B, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được quyền thăm nom con không ai được cản trở là phù hợp với pháp luật và nguyện vọng của các cháu.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, quá trình giải quyết vụ án anh B vắng mặt nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu của đương sự.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử.

1. Cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Văn B.

2. Giao cho chị Trần Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Nhật N, sinh ngày 28/6/2016. Anh Trần Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Minh V, sinh ngày 23/8/2013. Anh B, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003242 ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Song Lưu